

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **16/2023/DS-ST**
Ngày 10 - 4 - 2023
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đình Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Viết Chấn, bà Trịnh Thị Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Lường – Là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 466/2022/TLST-DS, ngày 14 tháng 12 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2023/QĐXXST-DS, ngày 09 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa ngày 29 tháng 3 năm 2023, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần A; địa chỉ: phường 5, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Từ Tiến P – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình L – Phó Giám đốc Phòng quản lý nợ Theo văn bản ủy quyền số 1285/UQ-QLN.22 ngày 05/7/2022; địa chỉ: phường 11, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người được ủy quyền lại:

Ông Đào Ngọc M – Nhân viên xử lý nợ Theo văn bản ủy quyền số 2566/UQ-QLN.22 ngày 23/11/2022; địa chỉ: đường Y, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

Ông Đào Quang T – Nhân viên Theo văn bản ủy quyền số 2642/UQ-QLN.22 ngày 16/12/2022; địa chỉ: đường V, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Lý Viết T, sinh năm 1984 và bà Nông Thị T1, sinh năm 1981; cùng địa chỉ: Thôn L, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa người đại diện ủy quyền tham gia tố tụng cho nguyên đơn ông Đào Ngọc M, ông Đào Quang T trình bày:

Ngày 30/6/2020 Ngân hàng TMCP A - Chi nhánh Đắk Lắk – Phòng giao dịch K và ông Lý Viết T, bà Nông Thị T1 ký kết hợp đồng tín dụng số KRP.CN.1388.300620 để ông T, bà T1 vay số tiền 270.000.000 đồng. Mục đích vay về để Sản xuất kinh doanh – Bổ sung vốn lưu động – Kinh doanh mua bán buôn

chuyên nông sản lưu động. Phương thức cho vay: cho vay từng lần; Thời hạn cho vay: 12 tháng, kể từ ngày kế tiếp ngày Bên được cấp tín dụng nhận tiền vay lần đầu; Lãi suất cho vay được quy định trong khế ước nhận nợ số tham chiếu 312425629 ngày 30/6/2020 với mức lãi suất là 11%/năm, lãi quá hạn 150% lãi trong hạn, lãi phạt chậm trả 10%/năm. Ngân hàng đã giải ngân cho ông T, bà T1 theo khế ước nhận nợ số KRP.CN.1388.300620/01 số tham chiếu 312425629 ngày 30/6/2020.

Ngày 17/4/2020, Ngân hàng cấp thẻ tín dụng cho ông Lý Viết T theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, Các văn bản khác của ông Lý Viết T ký với Ngân hàng về việc sử dụng thẻ tín dụng. Ngày 17/4/2020 Ngân hàng cấp thẻ tín dụng cho ông Lý Viết T số 9704163101055180, hạn mức 30.000.000 đồng, thời hạn sử dụng thẻ đến Tháng 04/2022. Lãi suất (trong hạn, quá hạn), phí: Theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – là một phần không tách rời của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng.

Để đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ trả nợ, ông T, bà T1 thế chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp số KRP.BĐCN.355.260619 ngày 27/6/2019 đối với: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 827823, thửa đất số 81, diện tích 1.327m² và thửa đất số 109, diện tích 6.150m² đều thuộc tờ bản đồ số 64 do UBND huyện Krông Pắc cấp ngày 06/5/2004 cho Hộ Lý Văn T. Ngày 11/8/2015 cập nhập về tên người sử dụng có sai sót, nay chính xác là Lý Viết T. Thửa đất tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Đối với tài sản thế chấp trên Ngân hàng xác định hiện nay ông T, bà T1 vẫn đang canh tác, quản lý.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông T, bà T1 chưa trả được khoản tiền gốc, lãi nào. Tính đến ngày 10/4/2023 ông T, bà T1 còn nợ Ngân hàng cụ thể: Đối với khoản vay 270.000.000 đồng thì còn nợ tổng số tiền 378.559.962 đồng, trong đó nợ gốc 270.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 21.798.247 đồng, nợ lãi quá hạn 77.773.315 đồng, nợ lãi chậm trả lãi 8.988.400 đồng. Đối với khoản nợ 30.000.000 đồng thẻ tín dụng thì còn nợ tổng số tiền 53.570.673 đồng, trong đó nợ gốc 32.175.025 đồng, nợ lãi quá hạn 21.395.648 đồng. Như vậy, tính đến ngày 10/4/2023 ông T, bà T1 còn nợ của Ngân hàng tổng cộng 378.559.962 đồng + 53.570.673 đồng = 432.130.635 đồng (bốn trăm ba mươi hai triệu, một trăm ba mươi nghìn, sáu trăm ba mươi lăm đồng). Mặc dù Ngân hàng đã đôn đốc, nhắc nhở với khách hàng vay nhiều lần nhưng ông, bà vẫn cố tín không hợp tác và không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án huyện Krông Pắc để giải quyết.

Buộc ông Lý Viết T, bà Nông Thị T1 phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền vay còn thiếu tính đến ngày 10/4/2023 là 378.559.962 đồng, trong đó nợ gốc 270.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 21.798.247 đồng, nợ lãi quá hạn 77.773.315 đồng, nợ lãi chậm trả lãi 8.988.400 đồng và tiếp tục chịu lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ đã ký kết từ ngày 11/4/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Buộc ông Lý Viết T, bà Nông Thị T1 phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền vay thẻ tín dụng còn thiếu tính đến ngày 10/4/2023 là 53.570.673 đồng, trong đó nợ gốc 32.175.025 đồng, nợ lãi quá hạn 21.395.648 đồng và tiếp tục chịu lãi phát sinh theo Biểu phí Thẻ tín dụng do Ngân hàng (ACB) phát hành trong từng thời kỳ từ ngày 11/4/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Nếu ông Lý Viết T và bà Nông Thị T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 81, 109, tờ bản đồ số 64, địa chỉ: xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Hộ ông Lý Viết T. Sau khi ông T, bà T1 trả hết nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng trả lại tài sản thế chấp.

* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lý Viết T trình bày: Ông T xác định vợ chồng ông có ký kết hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp, tài sản thế chấp, có đăng ký sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng và số nợ còn lại như Ngân hàng trình bày là đúng. Tuy nhiên, hiện nay ông T xin được kéo dài thêm thời hạn trả nợ vào cuối tháng 3/2023 thì vợ chồng ông T sẽ trả hết nợ cho Ngân hàng.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nông Thị T1 mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các thủ tục tố tụng theo quy định nhưng vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa HĐXX, Thư ký và nguyên đơn đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 3 Điều 45 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị HĐXX:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

Buộc ông Lý Viết T và bà Nông Thị T1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền 378.559.962 đồng, trong đó nợ gốc 270.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 21.798.247 đồng, nợ lãi quá hạn 77.773.315 đồng, nợ lãi chậm trả lãi 8.988.400 đồng tính đến ngày 10/4/2023 và tiếp tục chịu khoản tiền lãi kể từ ngày 11/4/2023 theo hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ cho đến khi thanh toán xong.

Trường hợp ông Lý Viết T và bà Nông Thị T1 không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số KRP.BĐCN.355.260619 ngày 27/6/2019.

Buộc ông Lý Viết T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền 53.570.673 đồng, trong đó nợ gốc 32.175.025 đồng, nợ lãi quá hạn 21.395.648 đồng tính đến ngày 10/4/2023 và tiếp tục chịu khoản tiền lãi kể từ ngày 11/4/2023 theo mức lãi suất được quy định chi tiết tại Biểu phí Thẻ tín dụng do Ngân hàng (ACB) phát hành trong từng thời kỳ.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà Nông Thị T1 có nghĩa vụ liên đới cùng ông Lý Viết T trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền 53.570.673 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các bên

đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là Tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, bị đơn có nơi cư trú tại huyện K, tỉnh Đắk Lắk và nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc giải quyết. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn ông Lý Viết T, bà Nông Thị T1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông T, bà T1 phải trả nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số KRP.CN.1388.300620 ngày 30/6/2020 thì thấy:

Ngày 30/6/2020 Ngân hàng TMCP A - Chi nhánh Đắk Lắk – Phòng giao dịch K và ông Lý Viết T, bà Nông Thị T1 ký kết hợp đồng tín dụng số KRP.CN.1388.300620 để ông T, bà T1 vay số tiền 270.000.000 đồng. Mục đích vay về để Sản xuất kinh doanh – Bổ sung vốn lưu động – Kinh doanh mua bán buôn chuyên nông sản lưu động. Thời hạn cho vay là 12 tháng, lãi suất 11%/năm, lãi quá hạn 150% lãi trong hạn, lãi phạt chậm trả 10%/năm. Tuy nhiên, sau khi vay từ ngày 01/10/2020 ông T, bà T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Hiện nay, khoản nợ trên đã quá hạn Ngân hàng, Ngân hàng đã đến nhà làm việc nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng ông T, bà T1 vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng là vi phạm hợp đồng. Do đó, Ngân hàng khởi kiện buộc ông T, bà T1 phải trả số tiền tính đến ngày 10/4/2023 là 378.559.962 đồng, trong đó nợ gốc 270.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 21.798.247 đồng, nợ lãi quá hạn 77.773.315 đồng, nợ lãi chậm trả lãi 8.988.400 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 11/4/2023 cho đến khi trả xong nợ là có căn cứ, cần chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông T, bà T1 phải trả nợ cho Ngân hàng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 17/4/2020 thì thấy:

Ngày 17/4/2020, Ngân hàng cấp thẻ tín dụng cho ông Lý Viết T theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, Các văn bản khác của ông Lý Viết T ký với Ngân hàng về việc sử dụng thẻ tín dụng. Cùng ngày Ngân hàng cấp thẻ tín dụng cho ông Lý Viết T số 9704163101055180, hạn mức 30.000.000 đồng, thời hạn sử dụng thẻ đến Tháng 04/2022. Lãi suất (trong hạn, quá hạn), phí: Theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – là một phần không tách rời của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng. Do ông T không thực hiện đúng như cam kết sử dụng thẻ nên ngày **10/3/2021** Ngân hàng ra Thông báo chuyển nợ quá hạn và chấm dứt sử dụng thẻ đối với thẻ tín dụng nêu trên. Tính đến ngày 10/4/2023 khoản nợ thẻ tín dụng của ông Lý Viết T là 53.570.673 đồng, trong đó nợ gốc 32.175.025 đồng, nợ lãi quá hạn 21.395.648 đồng. Nay Ngân hàng khởi kiện buộc ông T, bà T1 phải trả khoản tiền nợ thẻ nêu trên và tiền lãi phát sinh kể từ này tiếp theo cho đến khi trả xong nợ. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không tiến hành làm việc được với bị đơn bà Nông Thị T1 để xác định ông T sử dụng số tiền vay thẻ tín dụng trên bà T1 có biết

không, có sử dụng vào nhu cầu của gia đình không, ông T cũng không cung cấp được chứng cứ gì về việc sử dụng số tiền nêu trên vào mục đích nhu cầu thiết yếu của gia đình. Qua xem xét giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cũng không có quy định về mục đích sử dụng thẻ cụ thể, nghĩa vụ liên đới trả nợ thẻ của bà T1 nên đây là nghĩa vụ riêng về tài sản của ông T theo khoản 3 Điều 45 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, việc Ngân hàng buộc bà Nông Thị T1 có nghĩa vụ liên đới cùng ông Lý Viết T trả nợ thẻ tín dụng cho Ngân hàng là không có căn cứ chấp nhận.

Vì vậy, cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Lý Viết T phải trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ thẻ tín dụng tính đến ngày 10/4/2023 là 53.570.673 đồng, trong đó nợ gốc 32.175.025 đồng, nợ lãi quá hạn 21.395.648 đồng và tiếp tục chịu khoản lãi phát sinh theo Biểu phí Thẻ tín dụng do Ngân hàng (ACB) phát hành trong từng thời kỳ từ ngày 11/4/2023 cho đến khi trả xong nợ.

[2.3] Xét hợp đồng thế chấp số KRP.BĐCN.355.260619 ngày 27/6/2019 thì thấy: Ngày 27/6/2019 ông Lý Viết T ký kết hợp đồng thế chấp tài sản đối với Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 827823, thửa đất số 81, diện tích 1.327m² và thửa đất số 109, diện tích 6.150m² đều thuộc tờ bản đồ số 64 do UBND huyện Krông Pắc cấp ngày 06/5/2004 cho Hộ Lý Văn Tuyên. Ngày 11/8/2015 đính chính tên Lý Viết T. Hợp đồng thế chấp trên đã được công chứng, chứng thực hợp pháp, đúng theo quy định của pháp luật nên được thừa nhận.

Mặc khác, tại mục 3.1 Điều 3 của Hợp đồng thế chấp và Văn bản cam kết thế chấp tài sản ngày 27/6/2019 thì ông T cam kết thế chấp toàn bộ đất và tài sản trên đất để đảm bảo cho các khoản vay tín dụng, kể cả việc cấp tín dụng dưới hình thức cấp thẻ tín dụng...

Như vậy, trường hợp ông T, bà T1 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ tiền nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án kê biên phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

[3] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Lý Viết T và bà Nông Thị T1 phải chịu 7.800.000 đồng (bảy triệu, tám trăm nghìn đồng) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Do Ngân hàng Thương mại cổ phần A đã nộp tạm ứng nên cần buộc ông Lý Viết T và bà Nông Thị T1 phải trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền 7.800.000 đồng (bảy triệu, tám trăm nghìn đồng).

[4] Về án phí: Bị đơn ông Lý Viết T và bà Nông Thị T1 phải chịu 378.559.962 đồng x 5% = 18.927.998 đồng (làm tròn 18.928.000 đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn ông Lý Viết T phải chịu 53.570.673 đồng x 5% = 2.678.533 đồng (làm tròn 2.678.500 đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ và đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

- Áp dụng khoản 3 Điều 45 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

1.1 Buộc ông Lý Viết T và bà Nông Thị T1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền 378.559.962 đồng (ba trăm bảy mươi tám triệu, năm trăm năm mươi chín nghìn, chín trăm sáu mươi hai đồng), trong đó nợ gốc 270.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 21.798.247 đồng, nợ lãi quá hạn 77.773.315 đồng, nợ lãi chậm trả lãi 8.988.400 đồng tính đến ngày 10/4/2023.

Kể từ ngày 11/4/2023 ông Lý Viết T và bà Nông Thị T1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ cho đến khi thanh toán xong. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

1.2 Trường hợp ông Lý Viết T và bà Nông Thị T1 trả xong nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có nghĩa vụ trả lại cho ông T, bà T1 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 827823, thửa đất số 81, diện tích 1.327m² và thửa đất số 109, diện tích 6.150m² đều thuộc tờ bản đồ số 64 do UBND huyện Krông Pắc cấp ngày 06/5/2004 cho Hộ Lý Văn Tuyền. Ngày 11/8/2015 cập nhập về tên người sử dụng có sai sót, nay đính chính là Lý Viết T. Thửa đất tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Trường hợp ông Lý Viết T và bà Nông Thị T1 không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số KRP.BĐCN.355.260619 ngày 27/6/2019 đối với: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 827823, thửa đất số 81, diện tích 1.327m² và thửa đất số 109, diện tích 6.150m² đều thuộc tờ bản đồ số 64 do UBND huyện Krông Pắc cấp ngày 06/5/2004 cho Hộ Lý Văn T. Ngày 11/8/2015 cập nhập về tên người sử dụng có sai sót, nay đính chính là Lý Viết T. Thửa đất tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

2.1. Buộc ông Lý Viết T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền 53.570.673 đồng (năm mươi ba triệu, năm trăm bảy mươi nghìn, sáu trăm bảy mươi ba đồng), trong đó nợ gốc 32.175.025 đồng, nợ lãi quá hạn 21.395.648 đồng tính đến ngày 10/4/2023.

Kể từ ngày 11/4/2023 ông Lý Viết T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất được quy định chi tiết tại Biểu phí Thẻ tín dụng do Ngân hàng (ACB) phát hành trong từng thời kỳ.

2.2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà Nông Thị T1 có nghĩa vụ liên đới cùng ông Lý Viết T trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền 53.570.673 đồng (năm mươi ba triệu, năm trăm bảy mươi nghìn, sáu trăm bảy mươi ba đồng).

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Lý Viết T và bà Nông Thị T1 phải chịu 7.800.000 đồng (bảy triệu, tám trăm nghìn đồng) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Do Ngân hàng Thương mại cổ phần A đã nộp tạm ứng nên cần buộc ông Lý Viết T và bà Nông Thị T1 phải trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền 7.800.000 đồng (bảy triệu, tám trăm nghìn đồng).

4. Về án phí:

Bị đơn ông Lý Viết T và bà Nông Thị T1 phải chịu 18.928.000 đồng (mười tám triệu, chín trăm hai mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn ông Lý Viết T phải chịu 2.678.500 đồng (hai triệu, sáu trăm bảy mươi tám nghìn, năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A 9.856.000 đồng (chín triệu, tám trăm năm mươi sáu nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0016714 ngày 08/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

5. Thông báo quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án (nếu có);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Đình Nam